



Mã số: 260928/3079:1/QTMT/REC

Tp. HCM, ngày 13 tháng 10 năm 2026

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2**
- Địa chỉ: Ấp 3, xã Đại Phước, thành phố Đồng Nai
- Loại mẫu: Nước thải Số lượng: 01 mẫu

STT	MÃ SỐ MẪU	KÝ HIỆU/VỊ TRÍ LẤY MẪU
1	NT7.260928	0928/NT/U-T-NT/01: Nước thải công nghiệp và sinh hoạt sau xử lý (Tọa độ: X=1176938; Y=400145)

4. Ngày lấy mẫu: 28/09/2026

5. Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QCVN 40:2011/BTNMT Cột A Kq=1,2; Kf=1,0
				NT7.260928	
1.	pH ^{(a)(b)}	--	TCVN 6492:2011	8,33	6 – 9
2.	Nhiệt độ ^{(a)(b)}	°C	SMEWW 2550B:2023	31,4	40
3.	Độ màu ^(a)	Pt-Co	TCVN 6185:2015	< 15,0	50
4.	TSS ^(a)	mg/L	TCVN 6625:2000	KPH (MDL=5,0)	60
5.	COD ^(a)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	KPH (MDL=4,0)	90
6.	BOD ₅ ^(a)	mg/L	SMEWW 5210B:2023	KPH (MDL=1,2)	36
7.	Tổng N ^(a)	mg/L	TCVN 6638:2000	8,88	24
8.	Tổng P ^(a)	mg/L	SMEWW 4500.P.B&E:2023	0,28	4,8
9.	N _{NH₄⁺} ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ -B&F:2023	0,21	6
10.	F ⁻ ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-F.B&D:2023	< 0,30	6
11.	As ^(c)	mg/L	SMEWW 3030A,E:2023 SMEWW 3114C:2023	KPH (MDL=0,002)	0,06
12.	Hg ^(c)	mg/L	SMEWW 3112(Hg)B:2023	KPH (MDL=0,0002)	0,006
13.	Pb ^(c)	mg/L	SMEWW 3030A,E:2023 SMEWW 3111B:2023	KPH (MDL=0,002)	0,12
14.	Cd ^(c)	mg/L	SMEWW 3030A,E:2023 SMEWW 3113B:2023	KPH (MDL=0,0002)	0,06
15.	Zn ^(c)	mg/L	SMEWW 3030A,E:2023 SMEWW 3111B:2023	KPH (MDL=0,03)	3,6
16.	Cu ^(c)	mg/L	SMEWW 3030A,E:2023 SMEWW 3111B:2023	KPH (MDL=0,03)	2,4
17.	Ni ^(c)	mg/L	SMEWW 3030A,E:2023 SMEWW 3111B:2023	KPH (MDL=0,04)	0,24

STT	THÔNG SỐ/ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QCVN 40:2011/BTNMT Cột A K _q =1,2; K _f =1,0
				NT7.260928	
18.	Cr(III) ^(c)	mg/L	SMEWW 3030A,E:2023 SMEWW 3111B:2023	KPH (MDL=0,025)	0,24
19.	Cr(VI) ^(a)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2023	< 0,018	0,06
20.	Fe ^(a)	mg/L	SMEWW 3500-Fe.B:2023	0,36	1,2
21.	S ²⁻ ^(a)	mg/L	SMEWW 4500.S ²⁻ .B&D:2023	KPH (MDL=0,05)	0,24
22.	Dầu mỡ khoáng ^(a)	mg/L	SMEWW 5520.B&F:2023	4,49	6
23.	Mn ^(a)	mg/L	SMEWW 3500-Mn.B:2023	KPH (MDL=0,05)	0,6
24.	Clo dư ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-Cl.B:2023	KPH (MDL=0,3)	1,2
25.	Coliforms ^(c)	MPN/ 100mL	SMEWW 9221B:2023	3,5x10 ³	3.000

Ghi chú: Cán bộ QC: Dương Hoàng Thanh Thảo

KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện

P. Phòng thí nghiệm



Dương Hoàng Thanh Thảo



KT. Giám đốc

Tạ Công Uẩn

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm NC & TV Môi trường (REC).
2. Dấu (a): Chỉ tiêu được Vimcerts công nhận; Dấu (b): Chỉ tiêu thực hiện tại hiện trường; Dấu (c): Chỉ tiêu NTP – Vimcert 211 thực hiện;
3. Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm